

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 01 - 2021

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mãnh

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 566/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Huỳnh Nhựt T, sinh năm 1976 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 375/4 ấp T, phường X, thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu.

*** Bị đơn: Chị Đặng Thị Kiều N, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 17/9 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Nhựt T trình bày:** Tôi và chị N tự tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó vợ chồng đi làm thuê và sinh sống tại huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đến năm 1998 thì đến sống tại An Giang. Năm 2000 vợ chồng về sống tại Số nhà 17/9 đường Đinh Công Tráng, phường Rạch Sỏi, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2006 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, đến cuối năm 2006 thì vợ chồng tiếp tục về chung sống. Đến năm 2011

tiếp tục xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được nên tôi dọn ra khỏi nhà và sống ly thân đến nay.

Nguyên nhân xin ly hôn: Do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không hòa hợp và mâu thuẫn trong kinh tế gia đình nên thường xuyên cự cãi nhau và hiện nay vợ tôi đã chung sống với người đàn ông khác và đã có con riêng. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa tôi với chị N không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị N. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì tôi yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung như sau:

Về con chung: Anh T xác định anh và chị N chung sống có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kiều T1, sinh ngày 19/4/1998 (Đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự), không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 12/3/2003, hiện nay người con tên Đ đang sinh sống cùng anh T. Anh T yêu cầu được nuôi người con tên Đ. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai của chị Đặng Thị Kiều N cũng như biên bản hòa giải ngày 31/12/2020, chị N xác định và thống nhất theo lời trình bày của anh T về vấn đề hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến ly hôn.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh T chung sống có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kiều T1, sinh ngày 19/4/1998 (Đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự), không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 12/3/2003, hiện nay người con tên Đ đang sinh sống cùng anh T. Chị N đồng ý giao người con tên Đ cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Huỳnh Nhật T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn chị Đặng Thị Kiều N và chị N là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn

theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Huỳnh Nhựt T và chị Đặng Thị Kiều N: Anh T và chị N tự tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng là trái quy định và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Huỳnh Nhựt T và chị Đặng Thị Kiều N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh T, chị N xác định anh, chị chung sống có 02 người con chung tên là Huỳnh Thị Kiều T1, sinh ngày 19/4/1998 (Đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự), không yêu cầu Tòa án giải quyết và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 12/3/2003. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng người con tên Đ. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu Đ cũng mong muốn được sinh sống cùng với cha (anh T). Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải chị N cũng thống nhất giao người con tên Đ cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con tên Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này anh T có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Nhựt T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Huỳnh Nhựt T và chị Đặng Thị Kiều N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 12/3/2003, cho anh Huỳnh Nhựt T được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được sinh sống cùng với cha (anh T) (được thể hiện tại bản ý kiến ngày 30/12/2020), anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị Kiều N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Nhựt T và chị Đặng Thị Kiều N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Buộc anh Huỳnh Nhựt T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), anh T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008796 ngày 16/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/01/2021), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh